

Bản án số: 278/2019/HSST
Ngày: 23-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Huân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Nhung
2. Bà Lê Thị Nhanh

- Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa theo sự phân công của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao: Ông Trương Hùng Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 327/2019/HSST ngày 11 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3052/2019/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn C; sinh năm: 1987, tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 19/11B, khu phố 4, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 3/12; giới tính: nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H và bà Đào Kim N; có vợ: Trần Thị Thùy L và 02 con, lớn sinh năm: 2007, nhỏ sinh năm: 2015; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 26/02/2019 – Có mặt.

- Bị hại:

Công ty TNHH MTV N

Địa chỉ: Số 202 N, quận L, Thành phố Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Duy K – Phó Giám đốc chi nhánh – Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1/ Ông Trần Hải Đ là Luật sư Văn phòng luật sư Trần Hải Đ, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Tuấn C – Có mặt.

2/ Ông Bùi Gi P là Luật sư Văn phòng luật sư Trần Hải Đ, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Tuấn C – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tổng Công ty H giao cho Công ty S vận chuyển dầu máy bay (dầu Jet-A1) từ kho cảng Cát Lái, kho B, kho C và kho T của Tổng Công ty xăng dầu N, Thành phố Hồ Chí Minh về các kho của sân bay Tân Sơn Nhất và các sân bay của các tỉnh lân cận. Công ty S ký hợp đồng thuê xe của Doanh nghiệp H (16 xe), Công ty H1 (04 xe), Công ty V (15 xe). Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý, vận chuyển và giao nhận xăng dầu, một số lái xe đã móc nối với các đối tượng bên ngoài do anh em Đoàn Anh D và nhóm do Huỳnh Minh D, Nguyễn Thị Ngọc T cầm đầu để rút trộm xăng dầu khi vận chuyển, việc trộm cắp xăng dầu diễn ra trong thời gian dài. Ngày 09/3/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra (C45) Bộ Công an đã phát hiện bắt quả tang lái xe của Doanh nghiệp H là Ngô Trần V đang cùng các đối tượng thuộc nhóm của Nguyễn Thị Ngọc T đang lấy trộm được khoảng ½ can dầu Jet-A1 từ xe bồn mang biển số 51C-31588, thu giữ thêm tại xe ba gác của Nguyễn Tấn P 08 can dầu Jet A1 (BL 111, 112). Bắt quả tang lái xe của Công ty S là Lương Hồng V đang cùng các đối tượng thuộc nhóm Đoàn Anh D, Đoàn Anh V lấy trộm 01 can 30 lít dầu Jet A1 từ xe bồn biển số 29C-19411.

Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp nơi ở và các địa điểm các đối tượng thuê để chứa xăng dầu, thu giữ tổng cộng 119.764 lít xăng dầu các loại, bao gồm: 18.988 lít dầu Jet A1, 1.059 lít xăng, 73.017 lít dầu Diezel, 26.700 lít dầu FO, 4.000 lít xăng dầu pha tạp. Ngoài ra còn thu giữ các đồ vật giấy tờ liên quan đến hành vi phạm tội của các đối tượng (BL 114,115,120, 121,130, 131).

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định và trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả tại thời điểm xảy ra hành vi phạm tội: Xăng có giá trị là 17.760 đồng/lít; Dầu Jet A1 có giá trị 16.291 đồng/lít; Dầu Diezel (DO) có giá trị 14.440 đồng/lít; Dầu FO có giá trị 11.270 đồng/lít. Tổng số xăng dầu thu giữ là 119.764 lít có giá trị 1.683.415.828 đồng. Từ chối định giá đối với 4.000 lít xăng dầu pha tạp do không xác định được các thông số của tài sản để tiến hành định giá (BL từ 19-25).

Ngày 17/3/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã khởi tố vụ án hình sự để điều tra về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Khởi tố đối với 28 bị can bao gồm: Huỳnh Minh D, Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Tấn P, Mai Thành N, Trần Văn T, Nguyễn Tuấn C, Trần Văn T, Đoàn Anh D, Đoàn Anh V, Đoàn Anh K, Nguyễn Hoàng N, Phan Văn H, Nguyễn Quang Đ, Trần Văn V, Trần Văn V1, và khởi tố đối với 12 lái xe: Ngô Trần V, Lương Hồng V, Đặng Văn M, Huỳnh Ngọc K, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Văn L, Phạm Văn H, Phan Ngọc Q, Phan Văn H, Trần Công C, Trần Ngọc M, Trần Thanh C về tội “Trộm cắp tài sản”, khởi tố đối với Châu Thế P về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” để điều tra.

Ngày 01/12/2017 Cơ quan điều tra đã ban hành Bản Kết luận điều tra số 86 và chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (Vụ 2) đề nghị truy tố đối với 26 bị can về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (BL 26-57).

Ngày 27/12/2017 Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (Vụ 2) đã ban hành Cáo trạng số 11 truy tố 26 bị can (BL 58-72).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 122/2017/HS-ST ngày 20/4/2018, Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã tuyên 26 bị cáo phạm tội và tuyên hình phạt đối với các bị cáo (BL 73-97). Sau khi xét xử có 12 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 101/2019/HS-PT ngày 12/3/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử tuyên các bị cáo phạm tội và tuyên hình phạt đối với các bị cáo (BL 98-110).

Trong quá trình điều tra, các bị can Nguyễn Tuấn C, Trần Văn V1 bỏ trốn, nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã. Ngày 26/02/2019 Nguyễn Tuấn C bị bắt, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án và phục hồi điều tra bị can đối với Nguyễn Tuấn C về tội “Trộm cắp tài sản”. Kết quả điều tra đã xác định được hành vi phạm tội của Nguyễn Tuấn C như sau:

Do không có việc làm nên từ đầu tháng 9 năm 2016, Nguyễn Tuấn C đến làm thuê cho Nguyễn Thị Ngọc T. Thời gian đầu Nguyễn Thị Ngọc T giao cho Nguyễn Tuấn C công việc là hàng ngày cùng Nguyễn Tấn P đứng ở khu vực đường Huỳnh Tấn Phát thuộc huyện Nhà Bè và vòng xoay Mỹ Thủy, quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh chờ đón các xe bồn chở dầu Jet-A1 của Doanh nghiệp H chạy đến thì mở nắp bảo vệ họng xả của xe để xách các can dầu Jet-A1 loại 30 lít xuống đưa lên xe ba gác của Nguyễn Tấn P chở đi tiêu thụ. Cường được Tuyền trả công 100.000 đồng/ngày và 20.000 đồng/ngày tiền ăn trưa.

Từ đầu tháng 10 năm 2016, Nguyễn Tuấn C được Nguyễn Thị Ngọc T phân công đến khu vực cổng kho T thuộc huyện Nhà Bè, cùng các lái xe bồn Huỳnh Minh D, Ngô Trần V, Phan Văn H, Đặng Văn M, Trần Thanh C, Trần Ngọc M, Nguyễn Tấn T, Phạm Văn H, Nguyễn Văn L, Huỳnh Ngọc K của Doanh nghiệp H trực tiếp lấy trộm dầu Jet A1 bằng cách hàng ngày Nguyễn Tuấn C đứng tại khu vực cổng kho xăng dầu T, khi xe của Doanh nghiệp H nhận hàng tại kho xong đi ra thì lái xe gọi điện thoại báo cho Nguyễn Tuấn C biết số lượng dầu sẽ rút trộm và cho xe đi thật chậm, để Nguyễn Tuấn C thao tác nối lồng dây niêm phong của cần gạt họng xả dầu và kéo cần gạt dịch chuyển khỏi vị trí ban đầu từ 1,5 đến 2cm để dầu chảy vào can 30 lít đã mở sẵn nắp phía dưới cho đầy can. Tùy từng chuyến xe, lái xe báo cho Nguyễn Tuấn C số lượng dầu sẽ rút trộm, ít nhất là 01 can, nhiều nhất là 04 can dầu Jet-A1 loại 30 lít mỗi xe.

Theo lịch trình do Công ty S cung cấp và biên bản đối chiếu giao nhận hao hụt nhiên liệu Jet-A1 giữa doanh nghiệp H và Công ty S có căn cứ xác định số lần các lái xe vận chuyển dầu Jet-A1. Tính trung bình mỗi ngày vận chuyển dầu, các lái xe cùng Nguyễn Tuấn C mỗi chuyến lấy trộm 01 can dầu 30 lít thì trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2016 đến ngày 05 tháng 3 năm 2017, Nguyễn

Tuấn C đã cùng các lái xe thuộc doanh nghiệp H trộm cắp chiếm đoạt số lượng dầu Jet A1 như sau:

1/ Từ tháng 9/2016 đến ngày 05/3/2017 Huỳnh Minh D lái xe bồn biển số 51C-727.21 đã vận chuyển 249 chuyến, trung bình mỗi chuyến lấy trộm 01 can, như vậy Huỳnh Minh D và Nguyễn Tuấn C đã chiếm đoạt 249 can dầu có giá trị 121.693.770 đồng (249 can x 30 lít x 16.291 đồng).

2/ Từ tháng 11/2016 đến ngày 05/3/2017 Ngô Trần V lái xe bồn biển số 51C-315.88 đã vận chuyển 183 chuyến, trung bình mỗi chuyến lấy trộm 01 can, như vậy Ngô Trần V và Nguyễn Tuấn C đã chiếm đoạt 183 can dầu có giá trị 89.437.590 đồng (183 can x 30 lít x 16.291 đồng).

3/ Từ tháng 12/2016 đến ngày 05/3/2017 Trần Thanh C lái xe bồn biển số 51C-489.69 đã vận chuyển 250 chuyến, trung bình mỗi chuyến lấy trộm 01 can, như vậy Trần Thanh C và Nguyễn Tuấn C đã chiếm đoạt 250 can dầu có giá trị 122.182.500 đồng (250 can x 30 lít x 16.291 đồng).

4/ Từ tháng 12/2016 đến ngày 05/3/2017 Phan Văn H lái xe bồn biển số 51C-796.79 đã vận chuyển 215 chuyến, trung bình mỗi chuyến lấy trộm 01 can, như vậy Phan Văn H và Nguyễn Tuấn C đã chiếm đoạt 215 can dầu có giá trị 105.076.950 đồng (215 can x 30 lít x 16.291 đồng).

5/ Từ tháng 9/2016 đến ngày 05/3/2017 Phạm Văn H lái xe bồn biển số 57M-1493 đã vận chuyển 448 chuyến, trung bình mỗi chuyến lấy trộm 01 can, như vậy Phạm Văn H và Nguyễn Tuấn C đã chiếm đoạt 448 can dầu có giá trị 218.951.040 đồng (448 can x 30 lít x 16.291 đồng).

6/ Từ tháng 9/2016 đến ngày 05/3/2017 Nguyễn Văn L lái xe bồn biển số 51C-721.25 đã vận chuyển 234 chuyến, trung bình mỗi chuyến lấy trộm 01 can, như vậy Nguyễn Văn L và Nguyễn Tuấn C đã chiếm đoạt 234 can dầu có giá trị 114.362.820 đồng (234 can x 30 lít x 16.291 đồng).

7/ Từ tháng 12/2016 đến ngày 05/3/2017 Nguyễn Tấn T lái xe bồn biển số 57M-1656 đã vận chuyển 223 chuyến, trung bình mỗi chuyến lấy trộm 01 can, như vậy Nguyễn Tấn T và Nguyễn Tuấn C đã chiếm đoạt 223 can dầu có giá trị 108.986.790 đồng (223 can x 30 lít x 16.291 đồng).

8/ Từ tháng 9/2016 đến ngày 05/3/2017 Huỳnh Ngọc K lái xe bồn biển số 57L-1129 đã vận chuyển 420 chuyến, trung bình mỗi chuyến lấy trộm 01 can, như vậy Huỳnh Ngọc K và Nguyễn Tuấn C đã chiếm đoạt 420 can dầu có giá trị 205.266.600 đồng (420 can x 30 lít x 16.291 đồng).

9/ Từ tháng 12/2016 đến ngày 05/3/2017 Đặng Văn M lái xe bồn biển số 51C-727.07 đã vận chuyển 207 chuyến, trung bình mỗi chuyến lấy trộm 01 can, như vậy Đặng Văn M và Nguyễn Tuấn C đã chiếm đoạt 207 can dầu có giá trị 101.167.110 đồng (207 can x 30 lít x 16.291 đồng).

10/ Từ tháng 9/2016 đến ngày 05/3/2017 Trần Ngọc M lái xe bồn biển số 51E-021.34 đã vận chuyển 418 chuyến, trung bình mỗi chuyến lấy trộm 01 can, như vậy Trần Ngọc M và Nguyễn Tuấn C đã chiếm đoạt 418 can dầu có giá trị 204.289.140 đồng (418 can x 30 lít x 16.291 đồng).

Như vậy trong thời gian từ tháng 9 năm 2016 đến ngày 05/3/2017, Nguyễn Tuấn C đã cùng các lái xe nêu trên chiếm đoạt tổng cộng 2.847 can (85.410 lít) dầu Jet A1, có trị giá 1.391.414.310 đồng (2847 can x 30 lít x 16.291 đồng). Nguyễn Tuấn C được Nguyễn Thị Ngọc T trả công 26.600.000 đồng.

Nguyễn Tuấn C là người được Nguyễn Thị Ngọc T phân công cùng các đối tượng trong nhóm, xách dầu từ các xe bồn và trực tiếp rút trộm dầu từ các xe bồn theo yêu cầu của các lái xe. Vì vậy Nguyễn Tuấn C là đồng phạm với Nguyễn Thị Ngọc T và các lái xe trên với vai trò là người thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp chiếm đoạt tổng cộng 2.847 can dầu Jet A1, có trị giá 1.391.414.310 đồng.

Bị can Nguyễn Tuấn C không có việc làm nên đã liên tục thực hiện hành vi trộm cắp dầu, lấy kết quả của việc trộm cắp dầu làm nguồn sống chính. Căn cứ theo hướng dẫn tại điểm 5 Mục II Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 thì bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng giá trị tài sản của các lần trộm cắp mà bị cáo thực hiện như nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 48/CT-VKS-V2 ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, đã truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên Tòa:

- Sau khi kết thúc phần thủ tục xét hỏi, Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu lời luận tội, giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn C từ 05 đến 06 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án, đã được giải quyết xong tại bản án số 122/2017/HS-ST ngày 20/4/2018, nên không đề cập giải quyết.

- Người bào chữa cho bị cáo:

+ Luật sư Trần Hải Đ trình bày: Thống nhất với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đối với bị cáo về tội danh “Trộm cắp tài sản”, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết: Bị cáo phạm tội có một phần nguyên nhân từ sự quản lý lỏng lẻo trong việc giao nhận xăng dầu của các đơn vị chức năng, đã tạo ra kẽ hở để bị cáo cùng nhóm đồng phạm lợi dụng chiếm đoạt. Bị cáo có nhân thân tốt lần đầu phạm tội, thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, tham gia với vai trò rất hạn chế so với các bị cáo trong nhóm đồng phạm, chỉ là người làm thuê hưởng lương và làm việc theo chỉ đạo của Nguyễn Thị Ngọc T. Bị cáo có cha là người có công với đất nước, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Trong quá trình thực hiện hành vi phạm

tội, do nhận thấy việc làm của bản thân là vi phạm pháp luật nên bị cáo đã tự nguyện nghỉ việc, đi làm công việc khác chứ không phải bỏ trốn, không biết bị truy nã. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Ngoài ra đề nghị áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bởi vì bị cáo phạm tội do hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

+ Luật sư Bùi Gi P trình bày: Thống nhất với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, nên bị hại không yêu cầu bồi thường theo như lời trình bày của đại diện bị hại tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tranh luận: Về tội danh, khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ mà các Luật sư nêu ra về cơ bản là thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, nên không có ý kiến.

Riêng quan điểm của các Luật sư đề nghị áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhận thấy trường hợp của bị cáo không phải phạm tội do hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và hành vi phạm tội của bị cáo cùng nhóm đồng phạm rõ ràng là đã gây ra thiệt hại cho bị hại, việc phía bị hại không yêu cầu bồi thường không có nghĩa là phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại, nên không chấp nhận quan điểm của các Luật sư.

Sau khi tranh luận đối đáp các bên vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

- Bị cáo Nguyễn Tuấn C đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án được tóm tắt như nêu trên, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã có đủ cơ sở xác định:

Tổng Công ty H giao cho Công ty S vận chuyển dầu máy bay (dầu Jet-A1) từ các kho của Tổng Công ty xăng dầu N, Thành phố Hồ Chí Minh về các kho của sân bay Tân Sơn Nhất và các sân bay của các tỉnh lân cận. Công ty S ký hợp đồng thuê xe của Doanh nghiệp H, và một số doanh nghiệp khác để vận chuyển. Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý, vận chuyển và giao nhận dầu Jet A1 của Công ty S, một số lái xe của Doanh nghiệp H đã móc nối với các đối tượng bên ngoài do Huỳnh Minh D, Nguyễn Thị Ngọc T cầm đầu để rút trộm dầu Jet-A1 đem bán.

Mặc dù biết Nguyễn Thị Ngọc T trong đường dây trộm cắp xăng dầu, nhưng do không có việc làm nên từ tháng 9 năm 2016 Nguyễn Tuấn C đến làm thuê cho Nguyễn Thị Ngọc T. Nguyễn Thị Ngọc T giao cho Nguyễn Tuấn C công việc xách trộm dầu từ các xe bồn xuống đưa lên xe ba gác cho Nguyễn Tấn Phong chở đi tiêu thụ. Ngoài ra, Nguyễn Tuấn C còn trực tiếp rút trộm dầu từ các xe bồn theo yêu cầu của các lái xe thuộc Doanh nghiệp H. Đến ngày 05/3/2017 nhận thấy công việc vất vả, lương thấp và vi phạm pháp luật nên Nguyễn Tuấn C nghỉ việc, không làm cho Nguyễn Thị Ngọc T nữa.

Căn cứ lịch trình do Công ty Skypec cung cấp và biên bản đối chiếu giao nhận hao hụt nhiên liệu dầu Jet-A1 giữa doanh nghiệp H và Công ty S, có căn cứ xác định số lần các lái xe vận chuyển dầu Jet-A1. Tính trung bình mỗi chuyến xe rút trộm 01 can 30 lít, thì trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2016 đến ngày 05 tháng 3 năm 2017, Nguyễn Tuấn C đã cùng các lái xe thuộc Doanh nghiệp H chiếm đoạt số lượng dầu Jet A1 như sau: Cùng với các lái xe Huỳnh Minh D chiếm đoạt 249 can dầu; Ngô Trần V chiếm đoạt 183 can dầu; Trần Thanh C chiếm đoạt 250 can dầu; Phan Văn H chiếm đoạt 215 can dầu; Phạm Văn H chiếm đoạt 448 can dầu; Nguyễn Văn L chiếm đoạt 234 can dầu; Nguyễn Tấn T chiếm đoạt 223 can dầu; Huỳnh Ngọc K chiếm đoạt 420 can dầu; Đặng Văn M chiếm đoạt 207 can dầu; Trần Ngọc M chiếm đoạt 418 can dầu.

Kết quả trưng cầu giám định thể hiện loại dầu Doanh nghiệp H vận chuyển bị các bị cáo rút trộm là dầu máy bay (Jet-A1).

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh thì tại thời điểm xảy ra tội phạm, dầu máy bay (Jet-A1) có giá trị 16.291 đồng/lít.

Mặc dù tài sản Nguyễn Tuấn C chiếm đoạt mỗi lần có trị giá dưới 2.000.000 đồng, nhưng do bị cáo không có việc làm nên đã liên tục thực hiện hành vi trộm cắp và lấy kết quả của việc trộm cắp dầu làm nguồn sống chính, nên căn cứ hướng dẫn tại điểm 5 Mục II Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 thì bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng giá trị tài sản của các lần trộm cắp mà bị cáo thực hiện.

Bị cáo Nguyễn Tuấn C đã giúp sức cho Nguyễn Thị Ngọc T cùng các lái xe của Doanh nghiệp vận tải H trộm cắp chiếm đoạt 2.847 can dầu loại Jet-A1, có trị giá 1.391.414.310 đồng (2847 can x 30 lít x 16.291 đồng). Nên đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Tuấn C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuy nhiên, đối với tội “Trộm cắp tài sản” mà tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) có khung hình phạt mức cao nhất là 20 năm tù, so với quy định tại điểm a khoản 4 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) có khung hình phạt mức cao nhất đến tù chung thân, thì quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 là có lợi cho bị cáo. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội, cần phải áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử đối với bị cáo, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã truy tố.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Tuấn C là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Doanh nghiệp, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội. Xuất phát từ động cơ tư lợi, bị cáo đã tham gia vào đường dây trộm cắp chuyên nghiệp với vai trò là người thực hành trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý vận chuyển, giao nhận xăng dầu của Công ty S và các quy định cho phép tỷ lệ hao hụt khi vận chuyển, bị cáo đã cùng đồng phạm cấu kết với nhau, thực hiện hành vi trộm cắp xăng dầu liên tục trong nhiều ngày nhằm hưởng lợi bất hợp pháp, coi đây là nguồn sống chính của bản thân, đã cùng đồng phạm chiếm đoạt tài sản lên đến 1.391.414.310 đồng, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra giải quyết vụ án. Nên cần phải có mức án nghiêm khắc, tương xứng mới có tác dụng răn đe giáo dục đối với bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa chung trong xã hội.

Mặc dù bị cáo Nguyễn Tuấn C thực hiện hành vi phạm tội trên 02 lần và lấy kết quả của các lần phạm tội làm nguồn sống chính, nhưng trong trường hợp này theo hướng dẫn tại điểm 5 Mục II Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 không áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Phạm tội có tính chuyên nghiệp” đối với bị cáo.

Xét quan điểm của các luật sư bào chữa cho bị cáo và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy về các tình tiết của vụ án cũng như các tình tiết giảm nhẹ mà các Luật sư và đại diện Viện kiểm sát đã nêu, cơ bản là thống nhất với nhau và có cơ sở, nên chấp nhận. Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Nguyễn Tuấn C theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Đối với việc áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm g, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự vì không có cơ sở.

Đối với Huỳnh Minh D, Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Tấn P, Mai Thành N, Trần Văn T, Nguyễn Tuấn C, Trần Văn T, Đoàn Anh D, Đoàn Anh V, Đoàn Anh K, Nguyễn Hoàng N, Phan Văn H, Nguyễn Quang Đ, Trần Văn V, Trần Văn V1, Ngô Trần V, Lương Hồng V, Đặng Văn M, Huỳnh Ngọc K, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Văn L, Phạm Văn H, Phan Ngọc Q, Phan Văn H, Trần Công C, Trần Ngọc M, Trần Thanh C, Châu Thế P, đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử xong tại bản án số 122/2018/HSST ngày 20/4/2018 và bản án số 101/2019/HS-PT ngày 12/3/2019.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị chiếm đoạt đã thu giữ là 18.988 lít dầu Jet A1 đã được cơ quan điều tra trả lại cho bị hại là Công ty S. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị hại không yêu cầu bị cáo Nguyễn Tuấn C bồi thường. Xét thấy việc bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Đối với số tiền 26.600.000 đồng là tiền bị cáo Trần Tuấn C được Nguyễn Thị Ngọc T trả công, Đây là tài sản do phạm tội mà có, nên buộc bị cáo nộp lại, tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng của vụ án đã được giải quyết xong tại bản án số 122/2018/HSST ngày 20/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn C 06 (sáu) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 02 năm 2019.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn C nộp số tiền 26.600.000 (hai mươi sáu triệu, sáu trăm ngàn) đồng, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[3] Án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo:

Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (2)
- Trại giam; (2)
- Người bào chữa; (2)
- Đường sự; (0)
- THAHS TP.HCM; (2)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (23) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Công Huân